

Bản tin chứng khoán

Trong số này

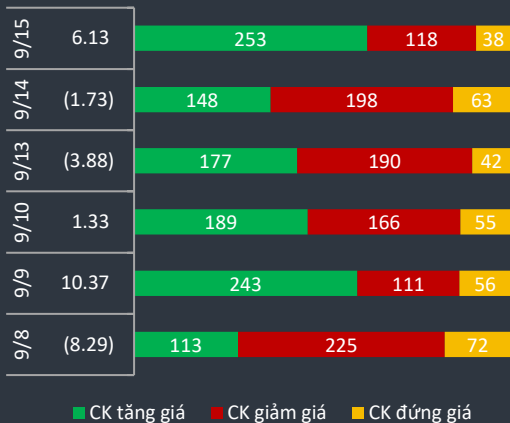
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

MSN		93.62
HSG		54.89
VHC		27.22
KBC		26.43
MBB		24.12
HPG		16.93
VIC	(16.81)	
PNJ	(17.88)	
HDB	(20.37)	
CTG	(23.49)	
GEX	(24.63)	
FUEVFN	(50.02)	
VHM	(54.24)	
VNM	(72.20)	

Thị trường phiên sáng giảm co và đôi lúc chỉ số Vnindex còn điều chỉnh nhẹ. Tuy nhiên ngay sau giờ nghỉ trưa thị trường đột ngột bùng tỉnh và giao dịch sôi động hơn hẳn. Hàng loạt nhóm ngành hồi phục mà ấn tượng nhất là nhóm khoáng sản, dầu khí và thép. Ngay cả cổ phiếu ngân hàng còn gây áp lực mạnh thị trường buổi sáng thì phiên chiều cũng vận động tích cực hơn hẳn.

Tâm lý giao dịch được cải thiện trong phiên chiều khi xuất hiện dòng tiền chủ động nhập cuộc. Sắc xanh lan tỏa trên các dòng cổ phiếu, đặc biệt nhóm big cap và cả blue chip đã hồi phục mạnh mẽ ngay khi mở đầu phiên chiều. Dù chưa hồi phục toàn bộ nhưng cũng có 9/27 mã ngân hàng đảo chiều xanh hôm nay, đáng kể nhất là TPB xanh 1.7%, PGB, VBB, SGB, ABB. Bank mất điểm nặng nhất trong ngày là NVB khoảng -2.9%, đứng ngay sau là VCB -1.2%. OCB cũng giảm nhẹ 0.4% trong khi có thời điểm trong ngày còn xanh lên 22.45. Thanh khoản chung của nhóm ngân hàng không cao và chỉ còn chiếm khoảng 20% giá trị giao dịch thị trường.

Những cổ phiếu khoáng sản nổi bật nhất trong ngày hầu hết đến từ sàn HNX và Upcom do phần lớn cổ phiếu ngành này niêm yết nhiều ở 2 sàn này. Khá nhiều cổ phiếu tăng trần trong ngày như KHB, KSH, NBC, TVD, TDN, THT, ACM, LCM ... Nhiều cổ phiếu trong số này cũng đã tăng trung bình lên đến hơn 20% chỉ trong 5 phiên vừa qua.

Cổ phiếu dầu khí cũng tăng tốc khá tốt đặc biệt ở PVD, PVS, TDG, PVC, CNG, ... Dù mức độ hồi phục có chậm hơn nhưng nhóm dầu khí trong 5 phiên gần nhất cũng đã tăng trưởng trung bình trên 9% đặc biệt là ở những mã TDG, PVG, ASP, PVC, CNG.

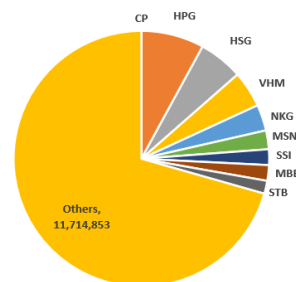
Cổ phiếu thép mới thật sự ấn tượng nhất trong ngày khi từ trạng thái giảm đã tăng trần hàng loạt vào buổi chiều. NKG, HSG, POM, TLH, VGS đều chạm trần và dư mua hàng trăm ngàn đơn vị cuối phiên. Sự đảo chiều đột ngột này có thể đến từ thông tin mới nhất từ Tổng cục Hải quan cho biết trong tháng 8, xuất khẩu sắt thép các loại đạt 1,53 triệu tấn với trị giá gần 1,5 tỷ USD, tăng 33,8% về lượng và tăng 35,2% về trị giá so với tháng trước.

Vnindex 1,345.83

▲ +6.13 (+0.46%)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
MSN	144.9	9,400	6.94
PNJ	91.9	2,900	3.26
GAS	91.5	2,500	2.81
POW	11.8	300	2.61
HPG	51.6	1,300	2.58
TPB	38.3	650	1.73
PLX	50.9	800	1.60
PDR	81.7	1,200	1.49
GVR	38.5	500	1.32
SSI	42.9	400	0.94
VRE	28.6	250	0.88
VHM	81.9	700	0.86
FPT	94.1	300	0.32
BID	38.8	100	0.26
BVH	54.1	100	0.19
VJC	126.0	200	0.16
REE	65.0	100	0.15
NVL	103.1	100	0.10
MWG	124.6	100	0.08
VPB	63.9	-	-
SAB	166.0	-	-
CTG	31.2	(50)	(0.16)
STB	26.6	(50)	(0.19)
HDB	24.8	(50)	(0.20)
TCB	48.4	(100)	(0.21)
MBB	27.5	(150)	(0.54)
VIC	91.4	(600)	(0.65)
VIB	35.2	(250)	(0.71)
DHG	101.9	(800)	(0.78)
ACB	31.2	(300)	(0.95)
VNM	86.1	(900)	(1.03)
BCM	48.0	(500)	(1.03)
VCB	97.1	(1,200)	(1.22)
HVN	26.8	(1,850)	(6.46)

Tính đến hết tháng 8 năm 2021, cả nước xuất khẩu 8,54 triệu tấn sắt thép các loại với trị giá đạt gần 7,1 tỷ USD; tăng 43,4% về lượng và 127% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Các doanh nghiệp xuất khẩu thép trên sàn đặc biệt là NKG, HSG, HPG đều được hưởng lợi rất lớn nhờ hoạt động xuất khẩu tăng mạnh.

Chỉ số Vnindex cuối phiên tăng hơn 6 điểm và dù thanh khoản không quá nổi bật, thậm chí còn giảm so với các phiên trước nhưng hoạt động giao dịch lại sôi động và hào hứng hơn rất nhiều. Nhà đầu tư lưu ý hai phiên cuối tuần sẽ có nhiều biến động khi các quỹ review danh mục. Các nhịp giảm mạnh của thị trường vẫn ưu tiên tích lũy dần các cổ phiếu. Nhóm cổ phiếu ưu tiên nắm giữ hiện tại vẫn là thép, chứng khoán, phân đạm, BDS KCN, bán lẻ.

Một số cổ phiếu đại diện như HPG, HSG, NKG, TLH, OCB, VCI, VND, DGW, MWG, PET, GVR, KBC, SZC, DPM, DCM ưu tiên tiếp tục nắm giữ trong giai đoạn hiện tại.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	65.0	1.1	50	65	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 54	7/12/2021	27.5%
GVR	38.5	(1.2)	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	31.0%
HCM	53.1	(3.8)	44	60	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 60	7/12/2021	18.0%
VCI	62.5	(0.8)	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 55-57	7/12/2021	27.6%
SSI	42.9	(3.5)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	30.0%
MBB	27.5	(2.8)	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-5.2%
OCB	22.3	(2.4)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	-3.0%
HPG	51.6	(0.6)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	14.7%
STB	26.6	(2.4)	27	35	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 27	7/12/2021	-5.0%
KBC	41.9	(3.8)	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	7.4%
DGW	117.5	31.9	120	170	Nắm giữ	3/3/2021	135.0%
MWG	124.6	12.2	130	190	Nắm giữ	2/3/2021	46.6%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

MSN	6.94
NKG	6.95
PTL	6.95
YBM	6.96
YBM	6.96
HT1	6.96
SJF	6.96
FCM	7.00
VIP	7.00
LMH	11.49
KSH	12.82
PXT	12.90
TIE	14.89

Top tăng giá HNX

TJC	9.79
C92	9.80
PDB	9.80
TKU	9.81
TVD	9.82
NBC	9.86
AMC	9.93
HLC	9.94
SMT	9.94
GKM	9.96
V21	10.00
MDC	10.00
KSD	10.00
VKC	10.00
VE9	13.89
KHB	13.89
DID	14.29

QNS - CTCP Đường Quảng Ngãi - Trong 8 tháng đầu năm 2021, QNS ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh tăng trưởng với doanh thu đạt 5,128 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 860 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ.

VSC - CTCP Container Việt Nam - Đã hoàn tất việc ký hợp đồng mua lại 36% cổ phần tại CTCP Cảng VIMC Đình Vũ (tên cũ là CTCP Cảng Vinalines Đình Vũ).

PVS - Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty dự kiến trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 10%, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 1.000 đồng. Như vậy, với 477,97 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính công ty sẽ trả tổng cộng 477,98 tỷ đồng.

GE2 - Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP - Genco2 thua lỗ gần 92 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2021. Con số này giảm 151 tỷ đồng với báo cáo tự lập trước đó.

SBT - TTC Sugar dự kiến phát hành 31,46 triệu cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 5 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý IV/2021.

DBC - Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam - Thông báo, ngày 30/9 đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền tỷ lệ 20%.

VPG - Dự kiến sẽ nhận sang tay 5,4 triệu cổ phần, tương ứng 15% vốn điều lệ của Đầu tư Sài Gòn MIA với giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phiếu. Như vậy, VPG sẽ phải chi ra 54 tỷ đồng để trở thành cổ đông lớn tại Đầu tư Sài Gòn MIA, trước đó VPG không nắm giữ bất kỳ cổ phiếu nào.

POW - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Ngày 1/10 tới đây Công ty sẽ chốt danh sách cổ đông chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 2%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 200 đồng. Thời gian thanh toán cổ tức dự kiến từ ngày 4/11/2021.

DPR - CTCP Cao su Đồng Phú - Lũy kế 8 tháng, doanh thu tiêu thụ cao su, dịch vụ đạt 455 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ nhưng mới thực hiện 42,3% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 90,7 tỷ đồng, giảm 17% và thực hiện 21,6% kế hoạch năm.

TTF - CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành - Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) thông báo, trên cơ sở kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 có lãi, nhưng Công ty đang lỗ lũy kế lớn tương đương 97,8% vốn điều lệ và chưa khắc phục được tình trạng vốn chủ sở hữu âm, HOSE sẽ tiếp tục duy trì diện kiểm soát đối với cổ phiếu TTF.

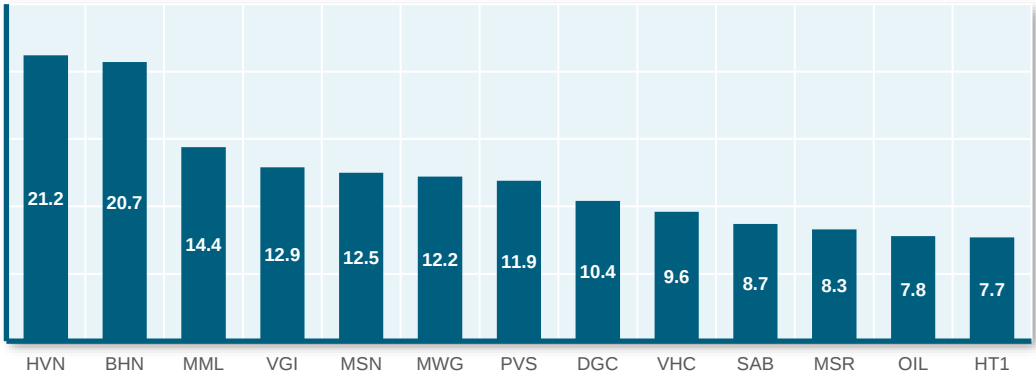


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	63.9	4,153,000	12.6	2.6	-	-	157,817	15.00	5,056	24,447
VIB	HOSE	35.2	574,500	6.2	2.6	13,300	700	54,593	21.00	5,638	13,552
VCB	UPCOM	97.1	798,500	17.6	3.4	470,000	579,100	360,132	23.62	5,532	28,293
VBB	HNX	16.9	44,556	20.4	1.5	-	-	8,073	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.1	306,876	14.3	1.3	-	200	7,609	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	38.3	6,953,500	8.4	2.0	-	-	40,991	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	48.4	5,037,600	10.5	2.0	-	-	169,637	23.00	4,614	23,938
STB	UPCOM	26.6	10,157,900	13.8	1.6	34,700	552,100	50,147	15.98	1,922	16,846
SSB	HOSE	35.8	1,987,900	20.8	2.9	4,200	-	47,994	0.01	1,723	12,310
SHB	HOSE	25.6	10,257,783	11.7	1.8	4,300	3,700	49,294	3.97	2,183	14,014
SGB	HNX	17.2	53,152	-	1.4	-	-	5,298	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	23.0	174,527	31.1	1.7	4,500	-	6,900	15.00	739	13,529
OCB	HNX	22.3	1,062,900	5.9	1.3	11,100	2,700	30,480	21.97	3,799	17,827
NVB	HOSE	30.1	276,823	146.8	2.8	-	200	12,245	8.55	205	10,726
NAB	HOSE	19.7	90,346	5.9	1.2	300	-	8,992	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	28.6	6,658,400	8.7	1.6	-	-	33,546	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	27.5	11,950,800	7.1	1.4	1,238,200	358,900	103,715	23.49	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.1	3,810,300	8.5	1.5	67,900	7,900	26,599	3.60	2,591	14,466
KLB	HOSE	21.8	126,323	10.7	1.5	-	-	6,974	-	2,035	14,117
HDB	HOSE	24.8	1,936,900	6.4	1.4	261,300	1,080,600	49,307	18.71	3,854	17,399
EIB	HOSE	25.5	202,300	29.2	1.8	300	6,500	31,351	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	31.2	7,128,400	7.1	1.2	176,800	928,700	149,699	24.64	4,394	25,028
BVB	HOSE	19.1	1,756,720	16.5	1.5	5,000	700	7,011	0.05	1,157	12,737
BID	HOSE	38.8	1,055,100	15.4	1.8	16,800	118,400	156,054	16.64	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.0	37,700	23.2	1.8	4,900	-	15,587	-	950	12,242
ACB	HOSE	31.2	4,979,200	6.8	2.1	-	-	84,301	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	20.4	1,178,072	7.3	1.2	-	-	11,655	30.00	2,801	16,671
82,750,078				18.19	1.82	2,313,600	3,640,400	1,686,001		2,766	16,602



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	42,900	14,257,698	28,095,825	2,647.4	16.2	2.42	17,724
VCI	UPCOM	62,500	5,366,300	20,812,500	3,445.7	18.1	2.11	29,655
HCM	HNX	53,100	5,899,530	16,197,722	3,099.8	17.1	3.40	15,612
VND	UPCOM	53,500	9,323,024	22,953,041	6,320.1	8.5	2.56	20,939
SHS	UPCOM	39,100	6,666,317	8,104,187	5,431.3	7.2	2.18	17,951
MBS	UPCOM	34,800	3,292,996	9,312,513	1,470.3	23.7	2.65	13,147
FTS	HOSE	60,700	749,948	8,957,030	3,583.0	16.9	3.42	17,751
VIX	HNX	18,800	4,398,621	2,401,117	5,549.5	3.4	1.16	16,190
AGR	HOSE	16,500	3,189,134	3,484,799	1,000.6	16.5	1.69	9,775
BSI	UPCOM	27,300	1,470,312	3,318,880	2,231.6	12.2	2.15	12,711
ORS	HNX	26,000	1,640,408	5,200,000	1,944.6	13.4	2.46	10,574
VDS	HOSE	32,200	1,088,389	3,384,370	3,856.6	8.3	2.50	12,884
CTS	HOSE	28,500	1,806,580	3,027,069	2,676.3	10.6	2.05	13,885
TVS	HOSE	36,900	128,393	3,624,878	5,036.9	7.3	2.48	14,852
BVS	UPCOM	33,100	945,471	2,389,825	3,242.7	10.2	1.23	26,909
EVS	HOSE	35,400	349,844	2,230,214	3,859.6	9.2	2.50	14,167
SBS	HOSE	15,300	3,983,483	1,937,898	79.4	192.7	9.31	1,643
PHS	HOSE	16,900	1,540	2,365,992	979.4	17.3	1.50	11,291
TVB	HOSE	22,500	1,336,058	2,401,098	2,793.8	8.1	1.93	11,645
ART	HNX	9,700	3,797,483	940,148	31.6	306.8	0.85	11,459
TCI	UPCOM	20,100	411,394	994,950	2,671.6	7.5	1.64	12,235
IVS	UPCOM	11,300	118,669	783,655	411.7	27.4	1.15	9,862
BMS	UPCOM	25,700	353,788	1,464,900	4,097.6	6.3	1.98	12,977
APS	HOSE	16,200	2,130,971	631,800	2,387.2	6.8	1.46	11,126
PSI	UPCOM	11,900	322,390	712,111	300.3	39.6	1.13	10,519
AAS	HOSE	17,200	1,638,380	1,376,000	(398.6)		1.53	11,276
WSS	HNX	11,500	265,144	578,450	885.5		1.17	9,859
VFS	UPCOM	11,800	129,218	483,800	1,199.4	9.8	1.05	11,247



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CNG	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021	18/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
4	TMP	HOSE	23/09/2021	24/09/2021	5/10/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 1,230 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	STP	HNX	21/09/2021	22/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	SBH	UPCoM	21/09/2021	22/09/2021	12/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,980 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VPG	HOSE	20/09/2021	21/09/2021	28/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DRI	UPCoM	17/09/2021	20/09/2021	5/10/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	PVP	UPCoM	17/09/2021	20/09/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	DNW	UPCoM	17/09/2021	20/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	BTP	HOSE	17/09/2021	20/09/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	DIH	HNX	17/09/2021	20/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	SZC	HOSE	17/09/2021	20/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	GDT	HOSE	16/09/2021	17/09/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	SPV	UPCoM	15/09/2021	16/09/2021	18/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	C69	HNX	15/09/2021	16/09/2021	30/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VHM	HOSE	15/09/2021	16/09/2021	1/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	VHM	HOSE	15/09/2021	16/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
19	CRE	HOSE	14/09/2021	15/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	CRE	HOSE	14/09/2021	15/09/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:95, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
21	C4G	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	HDW	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 740 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	XLV	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	HMS	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	30/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	DCG	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	HAT	HNX	14/09/2021	15/09/2021	15/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	NTC	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 6,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	CTT	HNX	14/09/2021	15/09/2021	28/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931